

Số: /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định kỹ thuật
đối với thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Quyết định số 06/2008/QĐ-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mẫu thẻ và việc quản lý, sử dụng thẻ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về kỹ thuật đối với thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

Điều 2. Quy định kỹ thuật

1. Quy định chung

a) Thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử là thẻ gắn thiết bị điện tử (chip RFID), chứa thông tin cơ bản của cá nhân cũng như các thông tin liên quan đến cơ quan, đơn vị công tác, chức vụ, chức danh, vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

Thẻ được cấp cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để sử dụng trong hoạt động công vụ, thực hiện nhiệm vụ; ra vào, đi lại, xuất trình, kiểm soát thời giờ làm việc trong các cơ quan, công sở, hỗ trợ thực hiện tinh giản hồ sơ giấy tờ,... Tùy theo nhu cầu, cán bộ, công chức, viên chức có thể sử dụng các tiện ích khác của thẻ để thuận tiện trong sinh hoạt và đời sống, khai thác dịch vụ công,...; qua đó thúc đẩy việc hiện đại hóa công sở, nâng cao ý thức trách nhiệm, văn hóa giao tiếp công vụ của công chức, viên chức, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về công chức, công vụ, cải cách hành chính; chuyển đổi số, dần hình thành công chức, viên chức số, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số, thành phố thông minh.

b) Thông tin in trên thẻ và lưu trữ trong chip được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước.

c) Bộ Nội vụ thống nhất quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật phôi thẻ và cơ sở dữ liệu thẻ điện tử; các Bộ, ngành, địa phương quản lý phôi thẻ, thẻ điện tử (bao gồm việc thu hồi thẻ, khóa thẻ) và tổ chức in phôi thẻ; cá thể hóa, in thẻ phục vụ việc cấp, đổi thẻ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Tùy theo yêu cầu quản lý, yêu cầu kỹ thuật và mức độ hiện đại hóa công sở, các Bộ, ngành, địa phương lựa chọn các quy định kỹ thuật tại Quyết định này và các quy định khác liên quan để áp dụng cho các đối tượng là người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các đối tượng khác; mở rộng các tính năng, chức năng của thẻ điện tử (tích hợp với các dịch vụ thẻ ngân hàng, tích hợp thẻ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kiểm soát ra vào cơ quan, chấm công điện tử,...) phù hợp với tình hình thực tế.

2. Thẻ thức, nội dung

Mặt trước của thẻ được in nền vàng, hoa văn trống đồng với các yếu tố bảo an, chống làm giả; mặt sau in nền đỏ, Quốc huy màu vàng, cụ thể:

a) Mặt trước:

- Hình Quốc huy, logo: Hình Quốc huy in màu theo quy định (bắt buộc đối với đơn vị hành chính) hoặc logo, biểu trưng đối với các đơn vị khác.

- Tên cơ quan, đơn vị quản lý: Tên cơ quan cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng.

- Tên cơ quan, đơn vị sử dụng: Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (đơn vị công tác).

- Thông tin cá nhân: Ảnh chân dung (theo quy định); họ và tên; chức vụ, chức danh, vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

- Biểu tượng chip: Để phân biệt thẻ công chức, viên chức điện tử (thẻ gắn chip) với thẻ công chức, viên chức thường.

- Số hiệu thẻ cán bộ, công chức, viên chức có cấu trúc:

[Mã Bộ, ngành, địa phương]+”.”+[Số CCCD]+”.”+[Loại]

trong đó,

+ [Mã Bộ, ngành, địa phương] được quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành, địa phương;

+ [Số CCCD]: Số căn cước công dân;

+ [Loại], được ký hiệu như sau: “CB” - Cán bộ; “CC” - Công chức; “VC” - Viên chức; “XA” - Cán bộ, công chức cấp xã; “XA0” - Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; “HD” - Hợp đồng lao động, khác.

- Mã QR Code (độ dài tối đa của QR Code là 130 ký tự với kích thước 12x12 mm), có các thông tin cơ bản, được cách nhau bởi ký tự “|”, gồm:

+ Mã số thẻ (ngẫu nhiên): Độ dài tối đa 4 định dạng chữ và số;

+ Họ và tên: Độ dài tối đa 25 ký tự, định dạng tiếng Việt;

+ Ngày, tháng, năm sinh: Độ dài tối đa 10 ký tự, định dạng DD/MM/YYYY (ngày/tháng/năm);

+ Giới tính: Độ dài tối đa 3 ký tự, định dạng tiếng Việt;

+ Số CCCD: Độ dài tối đa 12 ký tự, định dạng số;

+ Mã cơ quan, đơn vị đang công tác (đơn vị sử dụng): Độ dài tối đa 9 ký tự, định dạng chữ và số;

+ Tên cơ quan quản lý: Độ dài tối đa 30 ký tự, định dạng tiếng Việt;

+ Chức vụ, chức danh, vị trí việc làm: Độ dài tối đa 17 ký tự, định dạng tiếng Việt;

+ Đường link (Url) kiểm tra thông tin, tình trạng hoạt động của thẻ (thẻ đang hoạt động, thẻ bị khóa, thu hồi, hết hiệu lực,...): Độ dài tối đa 20 ký tự, định dạng chữ và số.

- Vạch (đôi), tương ứng với các đối tượng theo thứ bậc hành chính: 1) Vạch đỏ: Cán bộ, công chức, viên chức quản lý cấp Vụ, cấp Sở và tương đương trở lên (cấp cao); 2) Vạch xanh da trời đậm: Công chức, viên chức (bao gồm cán bộ, công chức cấp xã); 3) Vạch xanh cỏm: Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, hợp đồng lao động và các đối tượng khác.

b) Mặt sau:

- Nền đỏ đùn, in hình Quốc huy in màu vàng theo quy định.

- Tên Bộ, ngành, địa phương màu vàng.

- Thông tin của tổ chức trung gian thanh toán, tổ chức tín dụng (nếu có).

3. Quy định về kỹ thuật

Thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử phải đạt các yêu cầu kỹ thuật sau:

a) Công nghệ: Thẻ sử dụng công nghệ chip thông minh, đáp ứng các tiêu chuẩn bảo mật và độ tin cậy để lưu trữ và xử lý thông tin.

- Chip: Sử dụng chip Mifare Desfire EV1 trở lên hoặc tương đương; chip không tiếp xúc, có độ bảo mật cao.

- ROM: None

- CPU: CRC 16/32 bit

- EEROM: 2/4/8/16KB

- Bộ nhớ: Non volatile; 2Kb, 4Kb, 8Kb

- Điện áp hoạt động: 1,62V đến 5,5V

- Tiêu chuẩn giao thức: ISO 7816 và ISO 14443 contactless

- Tốc độ truyền: 106 kbit/s , 212 kbit/s , 424 kbit/s , 848 kbit/s

- Tần số: 13.56 MHz

- Khoảng cách hoạt động: lên tới 100 mm

- Tính năng: Đa ứng dụng, hỗ trợ nhiều bộ nhớ; quản lý ứng dụng ủy quyền; chia sẻ tập tin giữa các ứng dụng; chế độ tương thích ngược với EV1, EV2 và D40; bảo mật NFC duy nhất được kích hoạt bằng tính năng nhấn tin động an toàn; thông tin ATS có thể cấu hình để cá thể hóa thẻ...

- Hệ điều hành: None

- Số lượng ứng dụng: không giới hạn

b) Kích thước và thiết kế:

Thẻ có kích thước chuẩn, thiết kế nhằm tiện lợi cho việc đeo thẻ, mang theo và sử dụng trong công tác hàng ngày.

- Kích thước thẻ: Kích thước: 85,725 x 53,975mm (dài x rộng), dung sai 0,1mm; độ dày: 0,76mm, dung sai 0,08mm.

- Phôi thẻ được in màu offset, 04 màu CMYK, có công nghệ bảo mật, bảo an, có lớp phủ chống xước, chống nước, chống bay màu, cán mờ hoặc bóng hai mặt.

- Lõi thẻ có màu trắng theo tiêu chuẩn.

- Thân thẻ đáp ứng tiêu chuẩn ISO 7811-6; bốn góc bo tròn.

c) Bảo mật và chống sao chép:

Thẻ có các biện pháp bảo mật tiên tiến nhằm đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu và ngăn chặn việc sao chép trái phép.

- Hỗ trợ đầy đủ các chuẩn: AES, 2K3DES, 3K3DES...; ID ngẫu nhiên tùy chọn để nâng cao tính bảo mật và riêng tư; xác thực lẫn nhau theo tiêu chuẩn ISO/IEC 7816-4; sử dụng mã hóa dữ liệu, hệ thống tập tin tự bảo mật, chống lấy cắp thông tin, nhiều bộ khóa cho mỗi ứng dụng.

- Khóa cho mỗi ứng dụng: 16 bộ khóa.

d) Độ bền và chống thời tiết:

Thẻ có độ bền cao và có khả năng chống lại tác động của môi trường, như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng mặt trời và bụi bẩn.

- Thẻ mới 100%, sử dụng vật liệu PVC Laminated có độ bền và độ chống xước cao, có lớp phủ Laminated được ép trên bề mặt bảo vệ chống trầy xước, không bong tróc; thân thiện với môi trường.

- Bộ nhớ: lưu dữ liệu 25 năm; độ bền 1.000.000 chu kỳ.

- Nhiệt độ hoạt động: -25°C đến 85°C .

đ) Ứng dụng trên chip (tùy chọn):

- Ứng dụng thanh toán (theo quy định của ngân hàng);

- Ứng dụng kiểm soát ra vào cơ quan và chấm công điện tử;

- Các ứng dụng khác (theo nhu cầu).

e) Tính tương thích: Thẻ tương thích với các hệ thống và thiết bị đọc thẻ hiện có trong cơ quan nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Bộ Nội vụ

a) Giao Trung tâm Thông tin chủ trì thực hiện:

- Hướng dẫn thực hiện; thẩm định kỹ thuật phôi thẻ điện tử đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cho việc cá thể hóa và in thẻ.

- Hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn giải pháp công nghệ; xây dựng các phần mềm: tiếp nhận nhu cầu, cá thể hóa thẻ, kiểm tra thẻ,...; cơ sở dữ liệu thẻ, kết nối với Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

b) Giao Vụ Công chức - Viên chức chủ trì thực hiện:

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

- Đôn đốc việc cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo “Đúng - Đủ - Sạch - Sóng” để làm cơ sở kết xuất thông tin phục vụ cá thể hóa, in thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

c) Giao Thanh tra Bộ chủ trì thực hiện:

- Thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, chế độ đeo thẻ điện tử, thẻ thường đối với cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ, ngành, địa phương.

2. Đối với các Bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng), cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Vụ, Ban Tổ chức, Sở Nội vụ) thực hiện:

a) Tổ chức cập nhật dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước bảo đảm đúng quy định; cập nhật cơ sở dữ liệu thẻ điện tử do Bộ Nội vụ quản lý (bao gồm đăng ký, cấp, đổi, thu hồi, khóa thẻ,...).

b) Xây dựng kế hoạch, lộ trình, ưu tiên kinh phí cho việc chuyển đổi cấp thẻ hiện tại sang cấp thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

c) Lựa chọn loại phôi thẻ; tổng hợp nhu cầu cấp, đổi thẻ điện tử đối với các công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; gửi văn bản về Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Thông tin) hoặc đăng ký qua Cổng thông tin của Bộ Nội vụ để Bộ Nội vụ tổng hợp, hướng dẫn thực hiện.

d) Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện việc cá thể hóa thẻ; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, đường truyền internet, đáp ứng các yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật để kết nối với cơ sở dữ liệu quản lý thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử của Bộ Nội vụ.

đ) Ban hành quy chế quản lý và sử dụng thẻ, đeo thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc đeo thẻ và sử dụng thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

e) Tổng hợp báo cáo hàng năm gửi Bộ Nội vụ (qua Vụ Công chức - Viên chức) về việc thực hiện quy định quản lý và sử dụng thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

f) Đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng các phương tiện sinh trắc, app điện tử (nhận diện khuôn mặt, vân tay, mống mắt, app điện tử,...) để kiểm soát ra vào cơ quan, thì các thông tin này phải được kết xuất từ cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ, ngành, địa phương.

3. Về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 06/2008/QĐ-BNV

- Đối với loại thẻ cũ (trong thời gian chưa triển khai việc cấp thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử), khi cấp, đổi thẻ mới, đề nghị các cơ quan, đơn vị áp dụng:

+ Thẻ nhựa (có chip tương đương hoặc không có chip) kích thước dài x rộng: 85,725 mm x 53,975mm; in màu theo mẫu thẻ quy định tại Quyết định số 06/2008/QĐ-BNV;

+ Số hiệu thẻ cán bộ, công chức, viên chức: Áp dụng theo khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

- Đối với thẻ cán bộ, công chức, viên chức điện tử: Các quy định về việc quản lý, sử dụng thẻ điện tử, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BNV ngày 22/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mẫu thẻ và việc quản lý, sử dụng thẻ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Trần Lưu Quang (để b/c);
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ;
- Vụ, Ban tổ chức các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TTTT.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà

THẺ THỨC, NỘI DUNG THÔNG TIN CỦA THẺ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐIỆN TỬ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

1. Thẻ thức, kỹ thuật trình bày

Tùy theo loại phôi thẻ chip, các cơ quan, đơn vị lựa chọn phương án trình bày phù hợp:

a) Thẻ thức:

- Thẻ cán bộ, công chức, viên chức có chip nổi (canh trái):



- Thẻ cán bộ, công chức, viên chức có chip chìm (cạnh giữa):



- Thẻ nhân viên, lao động hợp đồng, đối tượng khác (tham khảo áp dụng):



b) Font chữ:

- Font chữ: Times New Roman, Unicode

- Cỡ chữ:

Mặt trước:

- + Tên cơ quan, đơn vị quản lý: 12 pt/Bold
- + Tên cơ quan, đơn vị sử dụng: 10 pt/Bold
- + Họ và tên: 11 pt/Bold
- + Chức vụ, chức danh: 8 pt/Bold
- + Mã định danh thẻ: : 9 pt

Mặt sau:

- + Tên Bộ, ngành, địa phương: 14 pt/Bold

2. Phôi thẻ

